

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm thiết bị y tế năm 2025 phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế Phú Thiện
- Tên dự toán: Mua sắm thiết bị y tế năm 2025 phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế Phú Thiện
- Nguồn vốn: Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp năm 2025
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế Phú Thiện
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng- Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa mới 100% có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng
- Hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc các tiêu chuẩn khác tương đương còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của từng mặt hàng
- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau: Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu (kèm bản dịch sang tiếng Việt đối với các tài liệu sử dụng tiếng nước ngoài và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Trường hợp, Bản dịch tiếng Việt có nội dung sai khác với tài liệu tiếng Anh thì việc xem xét đánh giá sẽ dựa trên Bản phát hành từ hãng sản xuất. **Nhà thầu sử dụng công cụ đánh dấu (highlight): tên hàng hóa, model, nội dung kỹ thuật chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa tại các file tài liệu đính kèm để phục vụ cho quá trình đánh giá được thuận tiện)**
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSDT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật.
- Có bảng so sánh cấu hình, tham chiếu tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị chào thầu với các trang trong catalogue hoặc các tài liệu kỹ thuật của thiết bị do hãng sản xuất phát hành theo mẫu sau:

Stt	Yêu cầu E-HSMT	Đáp ứng nhà thầu	Dẫn chứng trong HSDT
1	Đưa phần mô tả yêu cầu từ HSMT	Đưa phần mô tả đáp ứng nhà thầu	Catalogue hoặc tài liệu sử dụng hoặc các tài liệu khác thuộc E-HSDT phải ghi rõ dẫn chứng tại mục nào trang nào tài liệu nào của E-HSDT

b) Yêu cầu kỹ thuật chi tiết (mức yêu cầu tối thiểu)

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt hoặc chấp nhận được

1: Máy đốt điện (Dao mổ điện cao tần)

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA... hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điều kiện môi trường: Nhiệt độ hoạt động: $\leq 10^{\circ}\text{C} \sim \geq +40^{\circ}\text{C}$ Độ ẩm hoạt động: $\leq 30\% \sim \geq 75\%$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nguồn điện: Sử dụng được đối với nguồn điện ở Việt Nam	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	Máy chính: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dao mổ với 02 nút điều chỉnh công suất: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dao mổ với điều khiển công suất bằng bàn đạp chân: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bản cực trung tính dùng 1 lần: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bản cực bệnh nhân dùng nhiều : 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cáp nối cho bản cực trung tính dùng nhiều lần: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ điện cực kim: 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ kẹp lưỡng cực dùng nhiều lần: 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bàn đạp chân: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cầu chì: 02 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cáp nguồn: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật		

	Dao mổ điện đa năng công suất ≥ 400 watt.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đặc tính:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Công nghệ điều khiển công suất đầu ra chính xác.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống điều khiển ≥ 3 vùng (3-zone) giúp vận hành dễ dàng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Màn hình LED hoặc tương đương riêng cho từng vùng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chức năng đơn cực và lưỡng cực.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bảy chế độ hoạt động.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống điều khiển công suất mỗi bước 1watt để đảm bảo hiệu quả tối ưu	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiều chức năng báo động.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo đầu ra bằng ánh sáng và âm thanh.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kiểm soát âm lượng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tự động ngắt cho đầu ra liên tục.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ dính và carbon hóa tối thiểu và cho phép giảm thiểu tổn hại trong phẫu thuật.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điều khiển công suất kép, điều khiển bằng chân và tay.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kỹ thuật	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Mục: Lớp I, Loại CR hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Công suất đầu vào: ≥ 800 VA	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phần làm việc : Cách li với đất	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chế độ hoạt động: Tải gián đoạn & Chạy liên tục	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Hiệu ứng xả: Hệ thống bảo vệ chống lại hiệu ứng xả điện của máy khử rung tim.					Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chế độ	Cắt	Cắt đơn thuần (Pure)	Blend 1	Blend 2	Đáp ứng	Không đáp ứng
			≥ 400 Watts				
				≥ 250 Watts	≥ 200 Watts		
	Chế độ	Cầm máu	Tiêu chuẩn	Phun			
			≥ 100 Watts	≥ 70 Watts			
	Chế độ	Lưỡng cực	Cầm máu	Cắt			
≥ 70 Watts			≥ 100 Watts				
IV	Yêu cầu khác						
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng					Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng					Đáp ứng	Không đáp ứng
	Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương					Đáp ứng	Không đáp ứng

2: Lòng ấp trẻ sơ sinh

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA..... hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiệt độ hoạt động $\leq 20 \sim \geq 30$ ° C (nhiệt độ phòng) Nhiệt độ bảo quản $0 \sim \geq 60$ ° C (nhiệt độ phòng) Độ ẩm hoạt động $\leq 5 \sim \geq 99$ % RH, không đọng nước Độ ẩm bảo quản $0 \sim \geq 99$ % RH, không đọng nước Nhiệt độ hoạt động của đầu dò $\leq 20 \sim \geq 42$ ° C	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nguồn điện: Sử dụng được đối với nguồn điện ở Việt Nam	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		

	Hộp nhựa trong suốt: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống điều khiển: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giường sơ sinh: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cọc I.V. (Cọc truyền): 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đệm: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bánh xe: 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật		
	CÁC TÍNH NĂNG CHÍNH	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Theo dõi nhiệt độ bệnh nhân	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Báo động khi lỗi hệ thống sưởi	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Màn hình LED hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bảng điều khiển dễ tiếp cận trước và sau	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu dò nhiệt da bệnh nhân	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu vào phụ trợ nhiệt độ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống độ ẩm thụ động	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chế độ Skin và chế độ điều khiển không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giám sát nhiệt độ không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống cảnh báo toàn diện	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi đầu dò trên da	Đáp ứng	Không đáp ứng

			ứng
	Cảnh báo lỗi đầu dò không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi lưu thông không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi nguồn điện	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi hệ thống	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc vi khuẩn không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bánh xe có phanh	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giá đỡ màn hình	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống điều khiển vi xử lý	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Vỏ lồng ≥ 2 lớp bằng acrylic hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phân phối chính xác nhiệt trên toàn bộ lớp lồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Các bộ phận có thể tháo rời	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Năm công hình bầu dục hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Ốc lót để luồn cáp và đầu dò	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Trendelenburg và Trendelenburg đảo ngược	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cây treo truyền dịch	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bệ đỡ lồng áp được lắp với 2 ngăn kéo và 1 ngăn kéo lớn	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn CE 93/42EEC về thiết bị y tế (MDD) hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	An toàn đặc biệt	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Các vật liệu được sử dụng tuân thủ các yêu cầu vệ sinh và	Đáp ứng	Không đáp

	độc tính.		ứng
	Dễ tiếp cận	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Có sáu cửa sổ hoàn toàn trong suốt và cửa lớn.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Im lặng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ ồn bên trong lồng ≤ 50 dBA.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Việc mở và đóng cửa sổ hoàn toàn không gây ồn.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiều chức năng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tổ hợp chăm sóc trẻ sơ sinh hoàn chỉnh với nhiều chức năng như: Luồng khí hai chiều, Kiểm soát nhiệt, Hệ thống báo động tiên tiến.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thông số kỹ thuật phân trên:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước nệm: $\geq 34 \times 63$ cm / $\geq 13,4 \times 24,8$ inch	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chiều cao cửa tiếp cận: : ≥ 21 cm / $\geq 8,3$ inch	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điều chỉnh nhiệt độ:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phạm vi điều chỉnh nhiệt độ không khí $\leq 20 - \geq 39$ ° C	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chế độ không khí > 37 ° C	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phạm vi điều chỉnh mode skin $\leq 34 - \geq 38$ ° C	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Mode skin > 37 ° C	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiệt độ tăng ≤ 40 phút	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ ẩm thụ động	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bình chứa bên trong dùng cho tính năng điều chỉnh độ ẩm thụ động 50-60%,	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Đầu vào với chỉ báo mực nước ở cạnh bên của máy	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hệ thống và cảnh báo nhiệt độ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giới hạn nhiệt độ da $\pm 1.0 \text{ }^\circ\text{C}$ (Có thể điều chỉnh lên đến $\geq 0,5\text{C}^\circ$)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giới hạn nhiệt độ không khí $+1,5^\circ\text{C}/-3,0^\circ\text{C}$ (Điều chỉnh được tới $0,5^\circ\text{C}$)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiệt độ không khí (Giới hạn):	Đáp ứng	Không đáp ứng
	$40,0 \text{ }^\circ\text{C}$ Khi nhiệt độ không khí $> 37 \text{ }^\circ\text{C}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	$39,0 \text{ }^\circ\text{C}$ Khi nhiệt độ không khí $< 37 \text{ }^\circ\text{C}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi hệ thống sưởi / tuần hoàn không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi ngắt kết nối / đầu dò da	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi nguồn điện / lỗi hệ thống	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi đầu dò không khí	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu vào oxy	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Môi trường lên tới $\geq 85\%$, van đầu vào cho phép nồng độ cao với lưu lượng thấp, làm ấm trước đạt mức nhiệt độ không khí bên trong	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Các tính năng khác	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc oxy $\geq 0,5 \mu$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc không khí $\geq 0,5 \mu$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hiệu quả lọc đạt $\geq 99,8\%$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Mức CO ₂ $< 0,5\%$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Khóa bàn phím, cách điện nhóm I, loại BF, bảo vệ phòng	Đáp ứng	Không đáp ứng

	nổ khí kiểu Non AP / Non APG, bảo vệ chống thấm nước IPX4 hoặc tương đương		ứng
	Giới hạn sử dụng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giới hạn trọng lượng cho cọc I.V: ≥ 5 Kg	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giới hạn trọng lượng cho khay quay: ≥ 10 Kg/ Kệ	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng

3: Bộ dụng cụ nạo thai

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn			Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung				
	Chất lượng hàng: Mới 100%, Sản xuất năm 2024 trở về sau.			Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485..... hoặc tương đương.			Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình: Sai số cho phép: $\pm 2\%$				
	STT	Cấu hình, thông số kỹ thuật	số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	1	Panh sát khuẩn GROSS-MAIER hoặc tương đương, thẳng, dài 25CM	1		
	2	Kẹp cô tử cung SCHROEDER hoặc tương đương, dài 25CM	1		
	3	Thước đo tử cung, có thể uốn, có chia độ, dài 32CM	1		
	4	Van âm đạo DOYEN hoặc tương đương kích thước 85X35MM	1		
	5	Banh âm đạo KRISTELLER hoặc tương	1		

	đương 105X28MM, Fig.2			
6	Que nong cô tử cung, 3.0/4.0MM	1		
7	Que nong cô tử cung, 5.0/6.0MM	1		
8	Que nong cô tử cung, 7.0/8.0MM	1		
9	Que nong cô tử cung, 9.0/10.0MM	1		
10	Que nong cô tử cung, 11.0/12.0MM	1		
11	Que nong cô tử cung, 13.0/14.0MM	1		
12	Que nong cô tử cung, 15.0/16 MM	1		
13	Que nong cô tử cung, 17.0/18.0MM	1		
14	Thìa nạo tử cung GOURDET hoặc tương đương, dài 28CM, Fig.2	1		
15	Thìa nạo tử cung GOURDET hoặc tương đương, dài 28CM, Fig.3	1		
16	Nạo tử cung SIMS hoặc tương đương, tù, cứng, dài 31CM, 8MM	1		
17	Nạo tử cung SIMS hoặc tương đương, tù, cứng, dài 31CM, 9MM	1		
18	Kẹp FOERSTER-BALLENGER hoặc tương đương thẳng, ngàm răng cưa, dài 25CM	1		
19	Kẹp FOERSTER-BALLENGER cong ngàm trơn, dài 25CM	1		
20	Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN, cong, dài 16CM	2		
21	Bát tròn, kích thước Ø 80X40MM, dung tích 140ml	1		
22	Khay quả đậu, dài 250MM, 850ML	1		
23	Khay lưới đựng dụng cụ, kích thước 245x245x70mm	1		
24	Nắp hộp tiệt trùng, có đục lỗ, kích thước 285X280MM	1		
25	Đáy hộp tiệt trùng, không đục lỗ, kích thước 285X280X135MM	1		
III	Yêu cầu về kỹ thuật			
	Dụng cụ được làm từ thép không gỉ hoặc tốt hơn		Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác			
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ		Đáp ứng	Không đáp

	ngày ký kết hợp đồng		ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng

4: Bộ đặt nội khí quản sơ sinh

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	01 Luỡi thẳng Miller hoặc tương đương Fig 0	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 Luỡi thẳng Miller hoặc tương đương Fig 1	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 Luỡi thẳng Miller hoặc tương đương Fig 2	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 Luỡi thẳng Miller hoặc tương đương Fig 3	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 Luỡi thẳng Miller hoặc tương đương Fig 4	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 Cán pin	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phụ kiện đi kèm:		
	01 Hộp đựng hoặc túi đựng	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật		
	Dụng cụ được làm từ thép không gỉ hoặc tốt hơn	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng

5: Giường bệnh nhân Inox

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt

I	Yêu cầu chung		
	Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt chứng chỉ chất lượng ISO 13485, 9001..... hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Khung giường bệnh nhân: 01 cái		
	- Đầu giường bệnh nhân: 02 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Tay quay: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Cọc màn: 02 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Bánh xe: 04 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Nệm ≥ 5 cm: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước giường (DxRxC): 1.985x930x540 \pm 10mm (kích thước khi lắp ráp)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Vật liệu: INOX 304 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Khung giường kích thước: (1.900 x 900 \pm 10mm).	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Làm bằng Inox hộp $\geq(30 \times 60 \times 0.8)$ mm .	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu giường: Làm bằng Inox ống hoặc tương đương liền phi $\geq 31,8$ mm dày ≥ 0.8 mm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thang ngang khung song đầu giường làm bằng Inox ống hoặc tương đương phi $\geq 22 \times 0.6$ mm, các song dọc đầu giường làm bằng Inox hoặc tương đương phi $\geq 15,8 \times 0,6$ mm (mỗi giường có ≥ 10 song).	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu giường được lắp ghép với khung giường bằng kết cấu nệm côn. Vỏ côn làm bằng Inox tấm hoặc tương đương dày khoảng ≥ 2 mm, nệm côn làm bằng Inox tấm hoặc tương đương dày ≥ 3 mm.	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Đầu giường một đầu cao ≥ 800 có gắn bảng kẹp hồ sơ bằng INOX tấm hoặc tương đương dày $\geq 0,5$ ly đầu còn lại cao ≥ 900 mm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phía dưới đầu giường có đóng nút chân cao su hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giát giường gồm hai phần:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phần nâng đầu và lưng dài ≥ 560 mm có khung INOX hoặc tương đương $\geq 25 \times \geq 25 \times \geq 0,8$, có ≥ 12 nan bằng INOX hoặc tương đương $\geq 10 \times \geq 40 \times \geq 0,4$ cách đều hàn với khung, có thể điều chỉnh độ cao từ $0 \rightarrow \geq 75$ độ.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phần còn lại là phần thân giường cố định hàn với khung có ≥ 13 nan bằng INOX hoặc tương đương $\geq 10 \times \geq 40 \times \geq 0,4$ cách đều, được hàn tăng cứng cùng bốn thanh INOX hoặc tương đương $\geq 25 \times \geq 25 \times \geq 0,6$ với khung giường.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phần đầu nâng bằng 1 tay quay ở cuối giường.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cọc màn: Hình chữ U, làm bằng INOX hoặc tương đương $\geq 15,8 \times \geq 0,6$ mm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giường có 4 bánh xe phi ≥ 125 mm. Bánh xe được khóa so le trên 2 bánh xe.	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng

6: Tủ đầu giường nhựa

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Năm sản xuất: 2024 trở về sau, mới 100%	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO..... hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	Tủ nhựa: 01 Cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật	Đáp ứng	Không đáp ứng

			ứng
	Nguyên liệu: PP/ABS hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước: $\geq 38 \times \geq 45 \times \geq 104$ cm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Số ngăn kéo: ≥ 4 Ngăn	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng

7: Đèn chiếu vàng da (2 mặt)

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Năm sản xuất: 2024 trở về sau, mới 100%	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO 13485.... hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nguồn điện: Sử dụng được đối với nguồn điện ở Việt Nam	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điều kiện môi trường hoạt động:		
	- Nhiệt độ: ≤ 10 đến ≥ 35 độ C	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Độ ẩm: 0 đến $\geq 90\%$ RH không ngưng tụ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Áp lực khí quyển: $\leq 70 - \geq 106$ kPa	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	Đèn chiếu: 01 máy	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nội nhựa: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Adaptor $\geq 12V$: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dây nguồn: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Băng mắt: 05 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đồng hồ đo công suất ánh sáng đèn chiếu vàng da: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật		
	Tổng quan	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tay cầm giúp di chuyển dễ dàng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bề mặt cong giúp dễ dàng làm sạch.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thân máy kín giúp tránh bụi và chất lỏng xâm nhập.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tấm tản nhiệt thông minh, không cần quạt bên trong.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giàn đèn phía trên	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hình dáng cong giúp hạn chế nguy cơ vật ở trên rơi vào trẻ.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhôm tản nhiệt có nắp nhựa bảo vệ hai đầu.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 giàn đèn với ≥ 16 bóng LED xanh điện năng mạnh hoặc tương đương tiêu chuẩn hoạt động từ 1- $\geq 1.25W$.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giàn đèn phía dưới	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thành nhựa ABS hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đáy nhôm đặt nghiêng giúp tăng hiệu quả tản nhiệt cho máy.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	01 giàn đèn với ≥ 16 bóng LED xanh điện năng mạnh hoặc tương đương tiêu chuẩn hoạt động từ 1- $\geq 1.25W$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nội	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Có thể tháo rời để di chuyển bệnh nhân.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bề mặt nhẵn	Đáp ứng	Không đáp ứng

			ứng
	Các cạnh được bo tròn đảm bảo an toàn cho trẻ khi đặt trẻ vào nôi.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chất liệu nhựa trong chống xước hoặc tương đương đảm bảo quan sát trẻ dễ dàng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bảng điều khiển	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bật tắt toàn bộ đèn với một nút nhấn.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hiển thị số giờ điều trị.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tổng thời gian đã sử dụng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đệm gel:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Gel trong suốt, không cản ánh sáng xanh trong dải bước sóng $\leq 440 - \geq 460$ nm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Vỏ bọc đệm chất liệu TPU tương thích sinh học hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đệm bo tròn không có cạnh, đỉnh nhọn.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước: $\geq 490\text{mm} \times \geq 200\text{mm} \times \geq 8.5\text{mm}$.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	2. Các thông số kỹ thuật hoạt động:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Loại LED: Philips LUXEON xanh hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dải bước sóng: ≤ 440 đến ≥ 460 nm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tuổi thọ đèn: ≥ 60.000 giờ.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bức xạ quang phổ trung bình	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giàn đèn trên $\geq 40.0 \mu\text{W} / \text{cm}^2 / \text{nm}$.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	đèn dưới $\geq 66.0 \mu\text{W} / \text{cm}^2 / \text{nm}$.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Diện tích bề mặt chiếu	Đáp ứng	Không đáp

			ứng
	Đèn trên: ≥ 48 cm x ≥ 20 cm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đèn dưới: ≥ 48 cm x ≥ 20 cm.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tỉ lệ đồng nhất	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đèn trên ≥ 0.63 (IEC Compliant > 0.4).	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đèn dưới ≥ 0.64 (IEC Compliant > 0.4).	Đáp ứng	Không đáp ứng
	4. Cảnh báo	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo lỗi xuất hiện khoảng ≤ 5 giây trên màn hình hiển thị.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	5. Thông số điện	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đặc điểm nguồn: ≥ 60 W	Đáp ứng	Không đáp ứng
	ANSI/AAMI/EN 60601-1, UL/TUV hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bảo vệ quá áp / quá dòng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	6. Thông số khác	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước tổng: khoảng ≥ 66 cm x ≥ 38 cm x ≥ 49.5 cm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước đèn trên: ≥ 51.6 cm x ≥ 12.5 cm x ≥ 6.3 cm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước đèn dưới: ≥ 64.7 cm x ≥ 38 cm x ≥ 10 cm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước nôi: ≥ 62 cm x ≥ 32 cm x ≥ 10 cm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	7. Thông số kỹ thuật đồng hồ đo công suất ánh sáng đèn chiếu vàng da	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảm biến:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dải quang phổ đo được nằm trong dải bước sóng phù hợp	Đáp ứng	Không đáp ứng

	cho điều trị bệnh lý vàng da.		ứng
	Cảm biến được gắn trên 2 mặt của thiết bị sẽ thuận tiện cho việc đo công suất ánh sáng của các loại đèn chiếu vàng da 1 mặt và 2 mặt	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Màn hình hiển thị/ Chỉ số	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Màn hình tinh thể lỏng cảm ứng (LCD) hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cảnh báo: pin yếu, lỗi hệ thống, không đo được	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giữ kết quả đo trên màn hình	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Công cụ ước tính độ rộng phổ nguồn sáng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hiển thị công suất tương đối và tuyệt đối	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chế độ đo đa điểm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Các thông số kỹ thuật hoạt động:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Áp dụng: Sử dụng cho đèn LED và ánh sáng xanh huỳnh quang hoặc tương đương của thiết bị điều trị vàng da;	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phạm vi đo:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Đèn chiếu một mặt: ≤ 0.1 đến $\geq 150.0 \mu\text{W}/\text{Cm}^2/\text{nm}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Đèn chiếu hai mặt: ≤ 0.1 đến $\geq 300.0 \mu\text{W}/\text{Cm}^2/\text{nm}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ phân giải: $\geq 0.1 \mu\text{W}/\text{Cm}^2/\text{nm}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bước sóng đo được: $\leq 400 \text{ nm}$ đến $\geq 520 \text{ nm}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản	Đáp ứng	Không đáp

	xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương		ứng
--	--	--	-----

8: Máy điện tim 12 kênh

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Năm sản xuất: 2024 trở về sau, mới 100%	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA.... hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nguồn điện: Sử dụng được đối với nguồn điện ở Việt Nam	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Môi trường hoạt động: $\leq 25\% \sim \geq 80\%$ không ngưng tụ.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiệt độ hoạt động: $\leq 5^0 - \geq 40^0$	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	Máy chính tích hợp máy in nhiệt: 01 máy	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Cáp điện tim: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Điện cực hút: 06 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Điện cực kẹp: 04 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Giấy ghi: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Dây nguồn: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Cầu chì: 02 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Pin Li-ion: 01 chiếc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt : 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp

			ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật		
	Chế độ ba mẫu: Mẫu trước, Thời gian thực, Xem trước kích hoạt.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	3, 6 & 12 Kênh hoặc hơn	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phát hiện chính xác cho các điện cực hỏng.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhiều định dạng tệp: DAT, PDF và các định dạng Tùy chọn (SCP / FDA-XML / DIACOM) hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chức năng đo lường và chức năng giải thích.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	≥12 đạo trình đồng thời thu thập, phân tích và in ấn.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hỗ trợ nhập dữ liệu đa ngôn ngữ.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phát hiện máy tạo nhịp tim.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Máy ghi nhiệt tích hợp.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dữ liệu ECG có thể được truyền trực tiếp đến một PC.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hoạt động thiết lập hệ thống và quản lý tập tin	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Cổng giao tiếp Ethernet và RS232 hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tích hợp pin dự phòng có thể sạc lại.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thông số kỹ thuật	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Màn hình	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Màn hình đa màu LCD hoặc tương đương ≥800 x 600.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	ECG	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạo trình: ≥12 đạo trình chuẩn	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Chế độ thu nhận: Đồng thời ≥ 12 đạo trình	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ phân giải A/D: ≥ 24 bit	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian cố định: ≥ 3.2 s	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tần số phản hồi: 0.05Hz ~ 150Hz (-3dB)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ nhạy: 2.5, 5, 10, 20, 10/5, AGC (mm/mV) hoặc hơn	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Trở kháng đầu vào: ≥ 50 M Ω (10Hz)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Mạch điện đầu vào: ≤ 0.01 μ A	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phạm vi điện thế đầu vào: $\leq \pm 5$ mVpp	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điện áp hiệu chuẩn: 1mV $\pm 2\%$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điện áp bù DC: ± 600 mV	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ ồn: ≤ 12.5 μ Vp-p	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Crosstalk đa kênh: ≤ 0.5 mm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc AC: Bật / Tắt	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc DFT: 0.05Hz/0.15Hz/0.25Hz/0.32Hz/0.5Hz/0.67Hz	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc EMG: Tắt/25Hz/35Hz/45Hz	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ lọc thông thấp: 150Hz/100Hz/75Hz	Đáp ứng	Không đáp ứng
	CMRR: ≥ 115 dB	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tần số lấy mẫu: ≥ 1000 Hz	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Bên ngoài	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu vào: $\geq 100K \Omega$, độ nhạy 10mm/V $\pm 5\%$, kết thúc đơn	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đầu ra: $\leq 100 \Omega$, độ nhạy 1V/mV $\pm 5\%$, kết thúc đơn	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phát hiện máy tạo nhịp tim	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Biên độ: $\leq \pm 2$ tới $\geq \pm 700$ mV	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Chiều rộng: ≤ 0.1 tới ≥ 2.0 ms	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tốc độ mẫu: ≤ 10.000 / giây / kênh	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nhận biết nhịp tim:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kỹ thuật: Phát hiện đỉnh- đỉnh	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phạm vi: $\leq 30 \sim \geq 300$ nhịp/ phút	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ chính xác: $\leq \pm 1$ nhịp/phút	Đáp ứng	Không đáp ứng
	In	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Máy in: Máy in nhiệt đa điểm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Mật độ in: ≥ 8 chấm trên mm / ≥ 200 chấm trên mỗi inch (trục biên độ) ≥ 40 chấm trên mm / ≥ 1000 chấm trên mỗi inch (trục thời gian, @ 25 mm /s)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giấy in: Giấy in nhiệt cuộn lại được khoảng ≥ 210 mm \times ≥ 295 mm \times ≥ 100 trang hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ rộng: ≥ 203 mm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tốc độ giấy: 5mm/s, 6.25mm/s, 10mm/s, 12.5mm/s, 25mm/s, 50mm/s ($\pm 3\%$)	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Độ chính xác của dữ liệu: $\pm 5\%$ (x-trục), $\pm 5\%$ (y-trục)	Đáp ứng	Không đáp ứng

	Nguồn điện	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dòng điện đầu vào: 0.9-0.4A	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điện áp Pin Li-on: 14.8V / $\geq 2200\text{mAh}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian sạc: (≤ 6 giờ)	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng

9: Máy giặt + vắt loại 25kg

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Sản phẩm mới 100%, Sản xuất năm 2024 về sau.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt chứng chỉ chất lượng ISO 9001..... hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	Máy chính: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Phụ kiện đi kèm: 01 bộ	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Dây nguồn: 01 dây	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Sách hướng dẫn sử dụng: 01 quyển	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Máy giặt cửa trên ≥ 25 kg	Đáp ứng	Không đáp ứng

			ứng
	Tự động phân bổ nước giặt xả	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Tự động làm sạch	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Vệ sinh lồng giặt với nước nóng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bảng điều khiển: cảm ứng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Điều khiển ≥ 4 nút	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Nắp kính cường lực	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Máy giặt có ≥ 16 chương trình giặt.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Giặt ngừa dị ứng $\geq 60^{\circ}\text{C}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Vết bẩn khó giặt $\geq 40^{\circ}\text{C}$	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Bộ gia nhiệt tích hợp	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Hẹn giờ: 3-12 giờ	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành đối với máy chính kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng

10: Nệm giường Y tế

Stt	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không Đạt
I	Yêu cầu chung		
	Sản phẩm mới 100%, Sản xuất năm 2024 về sau.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đạt chứng chỉ chất lượng ISO 13485, 9001..... hoặc tương đương.	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu về Cấu hình		
	Nệm $\geq 5\text{cm}$: 01 cái	Đáp ứng	Không đáp ứng

			ứng
III	Yêu cầu về kỹ thuật	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Kích thước khoảng Dài : ≥ 1.900 mm; Rộng: ≥ 900 mm; Cao: ≥ 50 mm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Đệm xốp cứng bọc giả da không thấm nước hoặc tương đương	Đáp ứng	Không đáp ứng
	- Đệm gồm 2 phần:	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Phần nâng đầu và lưng dài ≥ 560 mm	Đáp ứng	Không đáp ứng
	+ Phần thân dài ≥ 1.340 mm	Đáp ứng	Không đáp ứng
IV	Yêu cầu khác		
	Thời gian cung cấp và lắp đặt hàng hóa: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng	Đáp ứng	Không đáp ứng
	Thời gian bảo hành kể từ khi nghiệm thu: ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Không đáp ứng

Ghi chú:

Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Khi có sự nghi ngờ về tính xác thực của tài liệu. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc của nhà sản xuất hoặc đại diện hợp pháp của nhà sản xuất tại Việt Nam để đối chiếu với tài liệu nhà thầu nộp tại E-HSĐT. Nhà thầu không cung cấp được bản gốc trong thời gian yêu cầu thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá theo E-HSĐT đã nộp. Trường hợp Chủ đầu tư có tài liệu chứng minh nhà thầu gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu sẽ bị xử lý theo quy định

Bất kỳ thương hiệu mã hiệu danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng tính năng kỹ thuật khó mô tả. nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ nhà sản xuất thương hiệu mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật đặc tính kỹ thuật tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn so với yêu cầu nêu trong E-HSMT. Đối với các thông số kỹ thuật được nhà thầu cho là tương đương hoặc ưu việt hơn thì cần phải chứng minh bằng các tài liệu thử nghiệm của cơ quan kiểm định độc lập hoặc các dẫn chứng khoa học cụ thể từ các cơ quan kiểm định có uy tín.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng
 - Bất kì hàng hóa nào qua kiểm tra thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Trung tâm có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp Trung tâm có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết. mọi chi phí và rủi ro do nhà thầu chịu

